

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/DS-PT

Ngày: 09-11-2021

V/v tranh chấp yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Bà Tôn Thị Thanh Thuý.

Ông Hồ Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST, ngày 15 tháng 1 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 365 ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thanh D, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 1070/20, Quốc lộ 1, Khóm 4, Phường 11, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 11 năm 2019). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Văn L; Luật sư của Văn phòng Luật sư Đường Vân Thạch thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 131 Huỳnh Phan Hộ, Khóm 7, Phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc

Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1981; địa chỉ: Đội 3, Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phan Thị Dư V, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 153/12/16 đường Cao Thắng, Phường 12, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Lê Văn B là nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn B trình bày:

Ngày 12/12/2018, bị đơn Nguyễn Hữu T là tài xế điều khiển xe đầu kéo biển số 51C-676.64, kéo theo Rơmooc biển số 51R-01279 của chủ xe là bà Phan Thị Dư V va chạm với xe ô tô 07 chỗ chở khách biển số 83A-055.79 của nguyên đơn B, làm xe của nguyên đơn B bị hư hỏng. Chi phí sửa chữa theo báo giá của đơn vị sửa chữa là 250.000.000 đồng. Sau khi tai nạn xảy ra, tài xế T đã bồi thường tiền sửa xe được 80.000.000 đồng. Do bên gây tai nạn không bồi thường đủ tiền sửa xe cho nên đến nay ông B vẫn chưa sửa xe.

Vì vậy, nguyên đơn B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bị đơn Nguyễn Hữu T và chủ xe là người có liên quan Phan Thị Dư V phải bồi thường tiền sửa xe còn lại là 170.000.000 đồng và tiền mất thu nhập, tính đến ngày xét xử là 25 tháng 03 ngày, mỗi tháng là 15.000.000đ/tháng, số tiền cụ thể là: 25 tháng 03 ngày x 15.000.000đ/tháng = 376.500.000 đồng, tổng cộng là: 170.000.000 đồng + 376.500.000đ = 546.500.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Bị đơn Nguyễn Hữu T thừa nhận có gây tai nạn giao thông và làm hư xe của nguyên đơn Lê Văn B như nguyên đơn B trình bày. Bị đơn T đồng ý bồi thường chi phí sửa xe còn lại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn B là 170.000.000 đồng. Bị đơn T tự nguyện trả tiền lãi suất trên số tiền sửa chữa xe chưa bồi thường cho nguyên đơn B từ khi gây tai nạn cho đến khi xét xử vụ án với mức lãi suất 1%/tháng. Bị đơn T không đồng ý bồi thường tiền mất thu nhập theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn B với số tiền là 376.500.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Thị Dư V trình bày:

Bà đồng ý cùng tài xế Nguyễn Hữu T bồi thường tiền sửa xe và hỗ trợ trả tiền lãi theo ý kiến của tài xế T. Bà không đồng ý bồi thường tiền mất thu nhập là 376.500.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn B.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 đã quyết định:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26; Điều 34; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 589 và 601 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn B.

1. Buộc bị đơn Nguyễn Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Dư V phải liên đới bồi thường tiền chi phí sửa xe cho nguyên đơn Lê Văn B với số tiền là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn B về việc buộc bị đơn Nguyễn Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Dư V phải liên đới bồi thường tiền mất thu nhập do xe bị hư hỏng không chạy được với số tiền là 376.500.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm ngàn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện và buộc bị đơn T và người liên quan V phải trả tiền lãi do chậm bồi thường tiền sửa xe cho nguyên đơn B với số tiền là 49.870.000 đồng (bốn mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn T và người liên quan V phải chịu 4.250.000 đồng (bốn triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

- Buộc nguyên đơn B phải chịu 18.825.000 đồng (mười tám triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 10.300.000 đồng (mười triệu ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004244, ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn B còn phải tiếp tục nộp 18.825.000 đồng - 10.300.000 đồng = 8.525.000 đồng (tám triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách nhận được đơn kháng cáo đề ngày 27 tháng 01 năm 2021 của nguyên đơn ông Lê Văn B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm

theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Văn B, buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Dư V có trách nhiệm bồi thường tiền mất thu nhập từ dịch vụ xe ô tô cho nguyên đơn Lê Văn B tổng số tiền 376.500.000 đồng.

Ngày 06 tháng 02 năm 2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách ban hành kháng nghị số 24/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án dân sự số 05/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm do:

- Về án phí: Tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm các đương sự chỉ thống nhất về số tiền sửa xe bị đơn và người có liên quan còn phải trả là 170.000.000 đồng và tiền lãi do chậm bồi thường tính từ ngày xảy ra tai nạn đến khi xét xử sơ thẩm do bị đơn và người có liên quan tự nguyện chịu là 49.870.000 đồng. Các bên không thỏa thuận được số tiền mất thu nhập là 376.500.000 đồng. Nên án phí bị đơn và người có liên quan phải chịu là $170.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.500.000 \text{ đồng}$ là phù hợp khoản 3 Điều 147 Bộ luật Dân sự, chứ không phải $170.000.000 \text{ đ} \times 2,5\% = 4.250.000 \text{ đồng}$ như án sơ thẩm tuyên.

- Phần quyết định của bản án sơ thẩm căn cứ Điều 34, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa chính xác vì: Trong vụ án này nguyên đơn không có yêu cầu hủy quyết định cá biệt; nguyên đơn, bị đơn không cư trú tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng nên thẩm quyền giải quyết tranh chấp là nơi xảy ra việc gây thiệt hại theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 40; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không thay đổi hay bổ sung yêu cầu khởi kiện, do đó phần quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng các điều khoản nêu trên là không phù hợp và chưa đúng.

- Trong phần nhận định trang 3 của bản án còn sai sót lỗi chính tả, cụ thể về số tiền bị đơn đã bồi thường cho nguyên đơn là 80.000.000 đồng nhưng trong bản án nhận định là 800.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên kháng nghị; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân theo và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng sửa một phần bản án sơ thẩm như kháng nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn Lê Văn B là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là đúng theo quy định tại các Điều 278, 279, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Lê Văn B, bị đơn ông Nguyễn Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất việc xe ô tô của nguyên đơn ông Lê Văn B bị hư hỏng là do ông Nguyễn Hữu T tài xế của bà Phan Thị Dư V gây ra. Sau khi tai nạn xảy ra thì ông B có báo giá sửa xe là 250.000.000 đồng, ông T và bà V thống nhất bồi thường số tiền sửa xe như ông B yêu cầu và ông T đã bồi thường cho ông B tiền sửa xe 80.000.000 đồng vào ngày 12/9/2019, hiện còn 170.000.000 đồng ông T, bà V chưa trả nên ông B khởi kiện yêu cầu ông T và bà V có trách nhiệm liên đới bồi thường tiền sửa xe còn lại là 170.000.000 đồng, đồng thời bồi thường tiền mất thu nhập tính từ ngày xảy ra tai nạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 25 tháng 03 ngày x 15.000.000đ/tháng = 376.500.000 đồng. Cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông T và bà V có trách nhiệm liên đới bồi thường tiền chi phí sửa xe cho nguyên đơn B còn lại là 170.000.000đ và đồng thời ghi nhận sự tự nguyện trả tiền lãi do chậm bồi thường tiền sửa xe cho nguyên đơn B với số tiền là 49.870.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn B thống nhất không kháng cáo đối với 02 nội dung này, chỉ kháng cáo phần yêu cầu ông Nguyễn Hữu T và bà Phan Thị Dư V có nghĩa vụ liên đới bồi thường tiền mất thu nhập cho ông với tổng số tiền 376.500.000 đồng cho nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn B yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông và buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Phan Thị Dư V có nghĩa vụ liên đới bồi thường tiền mất thu nhập cho ông với tổng số tiền 376.500.000 đồng. Xét thấy, tai nạn xảy ra là việc ngoài ý muốn, bị đơn T đã bồi thường được 80.000.000 đồng và đồng ý hỗ trợ tiền lãi do chậm bồi thường cho nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm giữa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày khi xảy ra tai nạn, Công an có mời các bên thỏa thuận và thống nhất giá sửa xe là 250.000.000 đồng, bên gây tai nạn đã đưa trước cho ông B 80.000.000đ tiền sửa xe, còn lại chiếc xe thì tiếp tục để lại gara để sửa chữa cho thuận tiện nhưng các bên không có thỏa thuận việc thực hiện sửa xe như thế nào trong khi phía nguyên đơn cho rằng không có tiền nên không thực hiện được việc sửa chữa xe, còn phía bị đơn thì trình bày là sẽ trả đủ chi phí sửa xe khi xe đã sửa xong. Thực tế, phía ông B đã nhận trước 80.000.000đ tiền sửa xe do ông T bồi thường trước, nên việc ông B cho rằng không có tiền sửa xe là không có căn cứ. Do

nguyên đơn B không chủ động tích cực trong việc sửa xe để chạy nhằm có thu nhập, trong khi bị đơn T và người liên quan V tự nguyện chịu tiền lãi đôi 1%/tháng do chậm bồi thường cho nguyên đơn B kể từ ngày xảy ra tai nạn cho đến ngày xét xử sơ thẩm với tổng số tiền 49.870.000đ nên xem như không làm thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn B. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường do bị mất thu nhập của nguyên đơn B với số tiền 376.500.000.000đ là có căn cứ. Kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn B là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày việc ông T đồng ý bồi thường tiền sửa xe và tiền nợ Ngân hàng tổng số tiền 382.000.000đ căn cứ vào biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông ngày 18/10/2019 (bút lục 153-154), tuy nhiên đây chỉ là ghi nhận ý kiến ông B yêu cầu ông T bồi thường còn ý kiến ông T cho rằng không có khả năng trả như ông B yêu cầu, ông T chỉ có khả năng hỗ trợ 170.000.000đ. Do vậy trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về án phí dân sự sơ thẩm. Thấy rằng, cấp sơ thẩm nhận định các đương sự đã thỏa thuận được số tiền chi phí sửa xe từ khi Tòa án tiến hành hòa giải ngày 28/12/2020 và chỉ còn tranh chấp tiền mất thu nhập. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Phan Thị Dư V liên đới chịu án phí do hòa giải thành là $170.000.000đ \times 2,5\% = 4.250.000đ$ là chưa đúng quy định tại Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, vì Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định trong trường hợp các bên thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án. Trong trường hợp này nguyên đơn có 2 yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông T, bà V liên đới trả tiền sửa xe còn lại là 170.000.000đ và yêu cầu thứ hai là yêu cầu ông T, bà V bồi thường tiền mất thu nhập 376.500.000đ. Tuy nhiên các bên chỉ mới thỏa thuận được 01 yêu cầu về bồi thường tiền sửa xe 170.000.000đ, chưa thỏa thuận được yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập nên án phí dân sự sơ thẩm ông T và bà V liên đới chịu là $170.000.000đ \times 5\% = 8.500.000đ$ theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kháng nghị của Viện Kiểm sát về vấn đề án phí là có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về quyết định của bản án sơ thẩm có sự nhầm lẫn trong việc áp dụng pháp luật, cụ thể: Quyết định của bản án sơ thẩm đã căn cứ các Điều 34, khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự là chưa chính xác vì trong vụ án này nguyên đơn không có yêu cầu hủy quyết định cá biệt theo Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự; Đây là vụ án tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên thẩm quyền giải quyết vụ án này phải là Tòa án nơi xảy ra việc gây thiệt hại giải quyết theo điểm d khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là chưa đúng; Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có xem

xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu của nguyên đơn, nên quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự là chưa đúng. Kháng nghị của Viện kiểm sát về vấn đề trên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với kháng nghị yêu cầu đình chính đối với phần nhận định của Tòa án tại trang 3, dòng thứ 18 đếm từ trên đếm xuống có đoạn “cho nguyên đơn B 800.000.000đ...” là có sai sót. Ghi đúng là “cho nguyên đơn B 80.000.000đ...”, cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của Viện kiểm sát điều chỉnh lại cho phù hợp.

[8] Từ các cơ sở phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận; Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[9] Do bản án phúc thẩm dân sự bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 309, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn B.

Chấp nhận kháng nghị số 24/QĐKNPT-VKS-DS ngày 05/02/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Căn cứ khoản 6 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm d Khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 589 và Điều 601 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn B yêu cầu.

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Dư V phải liên đới bồi thường tiền chi phí sửa xe cho nguyên đơn Lê Văn B với số tiền là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn B về

việc buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Dư V phải liên đới bồi thường tiền mất thu nhập do xe bị hư hỏng không chạy được cho nguyên đơn ông Lê Văn B số tiền là 376.500.000đ (ba trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm ngàn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện và buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Dư V phải trả tiền lãi do chậm bồi thường tiền sửa xe cho nguyên đơn ông Lê Văn B số tiền là 49.870.000đ (bốn mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng).

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn Nguyễn Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Dư V phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.500.000đ (tám triệu năm trăm ngàn đồng)

- Buộc nguyên đơn ông Lê Văn B phải chịu 18.825.000đ (mười tám triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 10.300.000đ (mười triệu ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn ông Lê Văn B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004244, ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. nguyên đơn ông Lê Văn B còn phải tiếp tục nộp 8.525.000đ (tám triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Lê Văn B không phải chịu được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0008793 ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- TAND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA của TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã Kí)

Tăng Thị Thuý Nga